



**Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết  
Quang Nam**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 27

\*\*\*\*\*



## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xổ số Kiến thiết Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Nam) theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 22/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100770 ngày 01/02/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2024.

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: Hoạt động xổ số

### TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 04 Trần Phú, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : (84) 235.3812987  
Fax : (84) 235.3812987  
Mã số thuế : 4000100770

Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc và 07 văn phòng đại diện như sau:

#### *Chi nhánh trực thuộc*

- + Chi nhánh Xổ số kiến thiết Điện Bàn - số 99 Mẹ Thứ, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng.

#### *Văn phòng đại diện*

- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế - số 10B Ngô Gia Tự, phường Thuận Hóa, thành phố Huế;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại thành phố Đà Nẵng - số 173 Nguyễn Tri Phương, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Bình Định - số 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Khánh Hòa - số 9B Mê Linh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Ninh Thuận - số 05 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Gia Lai - số 40B Nguyễn Thị Minh Khai, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai;
- + VPĐD XSKT Quảng Nam tại tỉnh Đắk Lắk - số 09 Đặng Vũ Hiệp, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
• Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Chủ tịch Công ty	01/07/2021
• Ông Nguyễn Phúc	Giám đốc	01/09/2021
• Ông Nguyễn Thanh Hải	Kiểm soát viên	20/06/2024
• Ông Lê Trung Vũ	Phó Giám đốc	15/10/2021
• Ông Võ Như Đào	Phó Giám đốc	15/04/2021
• Ông Đoàn Văn Bình	Phó Giám đốc	01/11/2021
• Ông Nguyễn Quốc Cường	Kế toán trưởng	15/06/2022

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Thu Sương - được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Công ty từ ngày 01/07/2021.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc   


Nguyễn Phúc

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Số: 2526-001/FAC-BCKT-BCTC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 01 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

---

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính đó vào ngày 23 tháng 01 năm 2025 do tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán, Quỹ tiền lương năm 2024 chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - CN MIỀN TRUNG**



---

**Lê Thị Vân Trâm - Phó Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1470-2023-099-1  
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

---

**Trần Thị Linh Giang - Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 6293-2023-099-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.321.318.652</b>	<b>61.907.261.188</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>58.037.811.886</b>	<b>39.092.543.224</b>
1 Tiền	111		16.037.811.886	22.392.543.224
2 Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	16.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>8.100.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	8.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.930.074.439</b>	<b>10.071.483.339</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.673.510.911	8.254.377.172
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	70.000.000	1.470.800.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	186.563.528	346.306.167
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.198.155.224</b>	<b>4.511.634.648</b>
1 Hàng tồn kho	141	8	1.198.155.224	4.511.634.648
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>155.277.103</b>	<b>131.599.977</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	155.277.103	131.599.977
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.690.448.240</b>	<b>12.139.059.603</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1 Phải thu dài hạn khác	216		45.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.819.702.328</b>	<b>11.479.629.400</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.204.120.328	10.864.047.400
- Nguyên giá	222		24.091.212.870	24.091.212.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.887.092.542)	(13.227.165.470)
2 Tài sản cố định vô hình	227	11	615.582.000	615.582.000
- Nguyên giá	228		908.136.400	908.136.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292.554.400)	(292.554.400)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>825.745.912</b>	<b>656.430.203</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	12	825.745.912	656.430.203
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>80.011.766.892</b>	<b>74.046.320.791</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.011.766.892</b>	<b>29.046.320.791</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.011.766.892</b>	<b>29.046.320.791</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	209.988.000
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	29.827.925	17.527.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	13.090.606.370	12.743.993.920
4 Phải trả người lao động	314	15	6.634.381.151	4.472.738.742
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	176.341.800	68.600.000
6 Dự phòng rủi ro trả thường	321		7.934.341.000	6.234.341.000
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.146.268.646	5.299.132.129
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.481.814.009	40.481.814.009
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		4.518.185.991	4.518.185.991
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>80.011.766.892</b>	<b>74.046.320.791</b>



Đỗ Công Chính  
Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Quốc Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phúc  
Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>376.967.243.400</b>	<b>344.977.375.511</b>
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số:	01.1		376.782.953.817	344.844.885.892
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		300.009.185.759	270.580.766.821
1.1.2 Xổ số cào	01.1.2		8.858.498.105	8.478.260.962
1.1.3 Xổ số bốc	01.1.3		67.203.952.990	65.320.158.414
1.1.4 Xổ số lô tô	01.1.4		711.316.963	465.699.695
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	01.2		184.289.583	132.489.619
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>376.967.243.400</b>	<b>344.977.375.511</b>
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		376.782.953.817	344.844.885.892
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		300.009.185.759	270.580.766.821
3.1.2 Xổ số cào	10.1.2		8.858.498.105	8.478.260.962
3.1.3 Xổ số bốc	10.1.3		67.203.952.990	65.320.158.414
3.1.4 Xổ số lô tô	10.1.4		711.316.963	465.699.695
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		184.289.583	132.489.619
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>324.931.863.141</b>	<b>301.646.024.929</b>
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		324.931.863.141	301.646.024.929
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		229.188.342.000	212.366.109.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		95.743.521.141	89.279.915.929

<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>52.035.380.259</b>	<b>43.331.350.582</b>
5.1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		<b>51.851.090.676</b>	<b>43.198.860.963</b>
5.2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		<b>184.289.583</b>	<b>132.489.619</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	265.409.983	598.875.211
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	41.599.968.066	34.800.407.395
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.700.822.176</b>	<b>9.129.818.398</b>
11.	Thu nhập khác	31	23	8.404.821	3.274.858
12.	Chi phí khác	32	24	6.875.808	28.217.832
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.529.013</b>	<b>(24.942.974)</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.702.351.189</b>	<b>9.104.875.424</b>
15.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.141.845.399	1.826.618.651
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.560.505.790</b>	<b>7.278.256.773</b>



Đỗ Công Chính  
Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Quốc Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phúc  
Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>10.702.351.189</b>	<b>9.104.875.424</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		659.927.072	840.736.740
- Các khoản dự phòng	03		1.700.000.000	3.390.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(265.409.983)	(598.875.211)
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>12.796.868.278</b>	<b>12.736.736.953</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.024.953.284	(3.178.019.728)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.313.479.424	(774.363.636)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.298.702.131	709.557.337
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(192.992.835)	82.051.925
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.294.293.871)	(843.537.432)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.040.000	67.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.272.414.733)	(4.478.787.985)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.688.341.678</b>	<b>4.320.637.434</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.100.000.000	2.500.000.000
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		339.865.599	711.775.907
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.439.865.599</b>	<b>3.211.775.907</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.182.938.615)	(1.815.233.584)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.182.938.615)</b>	<b>(1.815.233.584)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.945.268.662	5.717.179.757
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	39.092.543.224	33.375.363.467
<b>Tiền và tương đương tiền tại ngày 31/12/2025</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>58.037.811.886</b>	<b>39.092.543.224</b>

Đỗ Công Chính  
Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Quốc Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phúc  
Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xổ số Kiến thiết Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Nam) theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 22/06/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000100770 ngày 01/02/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2024.

### - Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước, đại diện chủ sở hữu của Công ty là UBND thành phố Đà Nẵng theo quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 18/07/2025 về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

### - Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc. Chi tiết: Hoạt động xổ số.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy tính.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

#### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.2. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

#### **3.3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

#### **3.4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của Quyền sử dụng đất được xác định là không có thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("**Thông tư 45**").

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### 3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

### 3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.8. Các khoản đầu tư

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 3.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm trích lập, Công ty xổ số kiến thiết không bị lỗ.

Việc trích quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ. Tỷ lệ trả thưởng trong năm được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong năm}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong năm}} \times 100\%$$

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$\text{DPtt} = \text{DT} \times \text{TLkh} - \text{TTtt}$$

Trong đó:

- DPtt** : Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số.
- DT** : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập
- TLkh** : Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số.
- TTtt** : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong năm trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện như sau:

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập và 3% đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam và Vietlott.
- Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau;
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm vào cuối năm tài chính và tính vào chi phí phát hành xổ số. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

### 3.11. Phân chia lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc hội về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật; Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Lợi nhuận được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp;  
Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.  
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi cho công tác khen thưởng, hoạt động phúc lợi của người lao động,
- người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ công ty theo nguyên tắc:
  - Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Doanh nghiệp xếp loại B được trích 2 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Doanh nghiệp xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
  - Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về Ngân sách Nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

### 3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

### 3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**3.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng: áp dụng theo quy định hiện hành.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng mức thuế suất là 15%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất là 20%;
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**3.15. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.471.033.000	6.382.428.000
Tiền gửi ngân hàng	13.566.778.886	16.010.115.224
Các khoản tương đương tiền (*)	42.000.000.000	16.700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.037.811.886</b>	<b>39.092.543.224</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các Ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lê Thị Mân	453.870.975	429.927.270
Nguyễn Thị Hoàng Hải	424.947.201	374.374.946
Công ty TNHH Vé Số Đoàn Kết	313.293.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.481.399.735	7.450.074.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.673.510.911</b>	<b>8.254.377.172</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV In nhân dân Bình Định	70.000.000	1.431.000.000
Công ty CP In-PH Sách và Thiết bị Trường học Quảng Nam	-	39.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.000.000</b>	<b>1.470.800.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu của các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	66.865.754	141.321.370
Phải thu thuế TNCN của đại lý XS	64.989.908	53.175.407
Tạm ứng	3.187.280	-
Phải thu khác	51.520.586	151.809.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>186.563.528</u></b>	<b><u>346.306.167</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	559.432.000	-
Hàng gửi đi bán	25.870.910	-	184.165.978	-
Vé xổ số	1.172.284.314	-	3.768.036.670	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.198.155.224</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.511.634.648</u></b>	<b><u>-</u></b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2025.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2025.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước chờ phân bổ	47.277.103	51.599.977
Chi phí thuê văn phòng	108.000.000	80.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>155.277.103</u></b>	<b><u>131.599.977</u></b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	17.796.843.814	225.740.869	4.789.965.001	737.837.797	540.825.389	24.091.212.870
Số cuối năm	17.796.843.814	225.740.869	4.789.965.001	737.837.797	540.825.389	24.091.212.870
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu năm	7.534.288.439	213.526.590	4.225.750.605	712.774.447	540.825.389	13.227.165.470
Khấu hao trong kỳ	315.064.880	4.285.716	315.513.126	25.063.350	-	659.927.072
Số cuối năm	7.849.353.319	217.812.306	4.541.263.731	737.837.797	540.825.389	13.887.092.542
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	10.262.555.375	12.214.279	564.214.396	25.063.350	-	10.864.047.400
Số cuối năm	9.947.490.495	7.928.563	248.701.270	-	-	10.204.120.328

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 9.298.423.198 đồng.

- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2025.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	615.582.000	292.554.400	908.136.400
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối năm	615.582.000	292.554.400	908.136.400
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	292.554.400	292.554.400
Hao mòn trong kỳ	-	-	-
Số cuối năm	-	292.554.400	292.554.400
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	615.582.000	-	615.582.000
Số cuối năm	<b>615.582.000</b>	-	<b>615.582.000</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 292.554.400 đồng.

- Không có tài sản cố định vô hình đã dùng cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 31/12/2025.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa nhà làm việc	183.943.746	219.936.639
Công cụ, dụng cụ xuất dùng & Chi phí trả trước khác	641.802.166	436.493.564
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>825.745.912</b>	<b>656.430.203</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Đức Tuấn	7.882.900	4.071.500
Công ty TNHH Lê Văn Tường	7.140.000	6.545.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	14.805.025	6.910.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.827.925</b>	<b>17.527.000</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	3.285.839.168	41.567.037.100	41.286.018.604	3.566.857.664
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	4.577.106.415	56.517.442.573	56.269.800.000	4.824.748.988
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.793.544.798	2.141.845.399	2.294.293.871	1.641.096.326
Thuế Thu nhập cá nhân	404.564.924	11.906.664.104	11.208.320.176	1.102.908.852
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	219.568.101	219.568.101	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Lợi nhuận còn lại nộp NSNN	2.682.938.615	2.454.994.540	3.182.938.615	1.954.994.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.743.993.920</b>	<b>114.819.551.817</b>	<b>114.472.939.367</b>	<b>13.090.606.370</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4.553.678.548	3.714.782.739
Phải trả thành viên hội đồng, kiểm soát viên và ban điều hành	2.080.702.603	757.956.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.634.381.151</b>	<b>4.472.738.742</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
CBCNV Công ty	95.515.800	-
Ban Giám sát Xổ số Phường Bàn Thạch	16.826.000	-
Công ty XSKT Kon Tum	-	68.600.000
Phải trả về thuế TNCN của CBCNV	64.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.341.800</b>	<b>68.600.000</b>

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	5.299.132.129	5.236.114.614
Trích lập trong kỳ	6.105.511.250	4.474.805.500
Sử dụng trong kỳ	(4.272.414.733)	(4.478.787.985)
Tăng khác	14.040.000	67.000.000
Số cuối kỳ	<u>7.146.268.646</u>	<u>5.299.132.129</u>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	40.481.814.009	4.518.185.991	-	45.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	8.560.505.790	8.560.505.790
Phân phối lợi nhuận	-	-	(8.560.505.790)	(8.560.505.790)
Số cuối năm	<u>- 40.481.814.009</u>	<u>4.518.185.991</u>	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>

**18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn ngân sách cấp	38.183.742.955	38.183.742.955
Vốn tự có	2.298.071.054	2.298.071.054
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>40.481.814.009</u>	<u>40.481.814.009</u>

**19. DOANH THU**

VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xổ số:	376.782.953.817	344.844.885.892
<i>Doanh thu xổ số truyền thống</i>	300.009.185.759	270.580.766.821
<i>Doanh thu xổ số cào</i>	8.858.498.105	8.478.260.962
<i>Doanh thu xổ số bốc</i>	67.203.952.990	65.320.158.414
<i>Doanh thu xổ số lô tô</i>	711.316.963	465.699.695
Doanh thu kinh doanh hoạt động khác	1.192.583	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	183.097.000	132.489.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>376.967.243.400</b>	<b>344.977.375.511</b>

**20. CHI PHÍ KINH DOANH**

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí kinh doanh xổ số truyền thống	251.002.393.657	225.667.615.454
+ <i>Chi phí trả thưởng</i>	177.426.300.000	157.806.900.000
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	73.576.093.657	67.860.715.454
Chi phí kinh doanh xổ số cào	8.078.039.360	8.548.095.786
+ <i>Chi phí trả thưởng</i>	5.608.264.000	6.169.468.000
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	2.469.775.360	2.378.627.786
Chi phí kinh doanh xổ số bốc	65.118.636.199	67.015.559.236
+ <i>Chi phí trả thưởng</i>	45.567.434.000	48.071.190.000
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	19.551.202.199	18.944.369.236
Chi phí kinh doanh xổ số lô tô	732.793.925	414.754.453
+ <i>Chi phí trả thưởng</i>	586.344.000	318.551.000
+ <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	146.449.925	96.203.453
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>324.931.863.141</b>	<b>301.646.024.929</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265.409.983	598.875.211
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>265.409.983</b>	<b>598.875.211</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	27.049.809.175	21.223.124.095
Chi phí vật liệu quản lý	268.882.899	272.226.174
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	659.927.072	840.736.740
Thuế, phí và lệ phí	233.733.101	231.568.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.678.589.079	4.367.530.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.709.026.740	7.865.221.990
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.599.968.066</u></b>	<b><u>34.800.407.395</u></b>

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền từ cho thuê điểm hủy vé	2.836.364	2.836.364
Thu nhập khác	5.568.457	438.494
	<b><u>8.404.821</u></b>	<b><u>3.274.858</u></b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	6.875.808	28.217.832
	<b><u>6.875.808</u></b>	<b><u>28.217.832</u></b>
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN</b>	<b><u>1.529.013</u></b>	<b><u>(24.942.974)</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả thưởng	229.188.342.000	212.366.109.000
Chi phí trực tiếp phát hành	95.743.521.141	89.279.915.929
Chi phí nhân công	27.049.809.175	21.223.124.095
Chi phí vật liệu quản lý	268.882.899	272.226.174
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	659.927.072	840.736.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.678.589.079	4.367.530.295
Chi phí bằng tiền khác	8.942.759.841	8.096.790.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>366.531.831.207</u></b>	<b><u>336.446.432.324</u></b>

## 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>10.702.351.189</b>	<b>9.104.875.424</b>
Chi phí không được trừ	6.875.808	28.217.832
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.709.226.997</b>	<b>9.133.093.256</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.141.845.399</b>	<b>1.826.618.651</b>

### 25.1. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Chủ tịch Công ty, các thành viên của Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền lương	4.783.869.165	3.514.220.000
Thu nhập từ tiền thưởng	337.474.933	392.269.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.121.344.098</b>	<b>3.906.489.500</b>

## 27. QUẢN LÝ RỦI RO

### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục.

### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá:

Hàng năm, Công ty ký các hợp đồng in vé xổ số trọn gói và tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu là tương đối nhỏ trên tổng chi phí kinh doanh nên hầu như Công ty không có rủi ro về giá nguyên vật liệu.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các đại lý cấp 1. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, đồng thời Công ty cũng có nhiều biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	<i>Không quá 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Phải trả khác	176.341.800	-	176.341.800
	<b>176.341.800</b>	<b>-</b>	<b>176.341.800</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Phải trả người bán	209.988.000	-	209.988.000
Phải trả khác	68.600.000	-	68.600.000
	<b>278.588.000</b>	<b>-</b>	<b>278.588.000</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	<i>Không quá 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền	58.037.811.886	-	58.037.811.886
Phải thu khách hàng	8.673.510.911	-	8.673.510.911
Phải thu khác	186.563.528	45.000.000	231.563.528
	<b>66.897.886.325</b>	<b>45.000.000</b>	<b>66.942.886.325</b>
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền	39.092.543.224	-	39.092.543.224
Phải thu khách hàng	8.254.377.172	-	8.254.377.172
Phải thu khác	346.306.167	3.000.000	349.306.167
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.100.000.000	-	8.100.000.000
	<b>55.793.226.563</b>	<b>3.000.000</b>	<b>55.796.226.563</b>

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Đỗ Công Chính  
Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Quốc Cường  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phúc  
Giám đốc

